

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HÒA
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 25 - 6 - 2019.
Về việc tranh chấp: Xin ly hôn.

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HÒA TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Giáo Khoa;
2. Bà Trần Thị Thu Ba.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa: Ông Dương Thanh Nhuận – Kiểm sát viên.

Ngày 25/6/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 32/2019/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “*Xin ly hôn*”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2019/QĐXX- ST ngày 15 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh L - Sinh năm: 1980; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – *Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt.*

- *Bị đơn:* Chị N – Sinh năm: 1978; Địa chỉ: Thôn P, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên – *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Nguyên đơn anh L trình bày:***

- Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh L, chị N sống hạnh phúc một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, chị N không lo làm ăn, thường xuyên đánh bài, dẫn đến vợ chồng cãi nhau. Mâu thuẫn kéo dài và từ năm 2014, hai bên tự sống xa nhau, không ai quan tâm đến ai. Nay, anh L nhận thấy tình cảm đã hết nên xin được ly hôn chị N.

- Về con chung: Có 02 con chung tên là V – sinh ngày 25/7/2004, Q – sinh ngày 05/3/2013. Hiện các cháu V, cháu Q đang do chị N nuôi dưỡng. Anh L yêu cầu giao các con cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh cấp dưỡng nuôi con số tiền 800.000đ/tháng/con.

- Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra, không yêu cầu gì khác.

* Bị đơn chị N đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và việc giải quyết vụ án:

+Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự:

Qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến thời điểm xét xử, Thẩm phán đã xác định đúng mối quan hệ tranh chấp, xác định đúng tư cách pháp lý của các đương sự, chấp hành đúng trình tự, thủ tục thu thập tài liệu, chứng cứ, thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, thư ký cũng đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ pháp luật quy định.

+ Việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L. Về con chung: Giao cho chị N tiếp tục nuôi các con chung, anh L cấp dưỡng nuôi 800.000đ/tháng/con. Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét. Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn anh L có đơn xin vắng mặt; bị đơn chị N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do. Áp dụng Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Yên vào ngày 23 tháng 9 năm 2003, nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh L, chị N có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã. Sự việc kéo dài và từ năm 2014, chị N, anh L tự sống xa nhau, không ai còn quan tâm đến ai. Như vậy, mâu thuẫn giữa anh L, chị N đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh L: Anh L được ly hôn chị N.

[3] Về con chung: Xét thấy các con chung do chị N trực tiếp nuôi dưỡng, đã quen sống cùng chị N. Cháu V có nguyện vọng được sống cùng chị N. Do đó, để giúp cháu V, cháu Q phát triển tốt về thể chất lẫn tinh thần, chấp nhận yêu cầu của anh N: Giao các cháu V, Q cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Xét anh L là công nhân, có thu nhập ổn định, đủ khả năng nuôi con và anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con số tiền 800.000đ/tháng/con (*Tám trăm nghìn đồng/tháng/con*) là phù hợp nên ghi nhận: Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con số tiền 800.000đ/tháng/con (*Tám trăm nghìn đồng/tháng/con*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 đến khi

chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

[4] Tài sản chung: Đương sự không yêu cầu nên không xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ, án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ; tổng cộng: 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 147, 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 9, 26, 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh L: Anh L được ly hôn chị N.

2. Con chung:

Giao cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên là V – sinh ngày 25/7/2004, Q – sinh ngày 05/3/2013. Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 02 con V, Q, mỗi con số tiền: 800.000đ/tháng (*Tám trăm nghìn đồng/tháng/con*). Thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 6/2019 đến khi chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về yêu cầu xin ly hôn là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); án phí về cấp dưỡng nuôi con là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*); tổng cộng: 600.000đ (*Sáu trăm nghìn đồng*). Số tiền này được khấu trừ vào 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh L đã nộp tại phiếu thu số 0013746 ngày 21/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hòa, tỉnh Phú Yên. Như vậy, anh L còn phải nộp: 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA***Nơi nhận:***

- TAND, VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND, T.H.A DS huyện Đông Hòa;
- UBND xã H;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

Lê Thanh Huệ